TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-PT.
Ngày: 14/3/2019
V/v: "Tranh chấp QSD đất và đòi đất bị lấn chiếm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Ông Võ Thanh Huyến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp QSD đất và đòi đất bị lấn chiếm.

Do bản án sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:49/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hình Thị Kim M, sinh năm: 1950; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Anh Phan Thanh A, sinh năm: 1973; địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang, là người đại diện theo ủy quyền văn bản ủy quyền ngày 02/8/2013 (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm: 1934; địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hình Thị Kim M.

(ông A, ông P; bà M có mặt tại phiên tòa ngày 06/3/2019; bà M vắng mặt ngày 14/3/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn bà Hình Thị Kim M trình bày***: Nguồn gốc hai thửa đất số 894 và 902, tờ bản đồ số 10, diện tích 580m^2 là do ông, bà để lại cho bà ngoại anh là bà Ông Thị T và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào năm 1996. Sau đó bà ngoại anh mới cho lại mẹ anh là bà Hình Thị Kim M phần diện tích đất này vào ngày 24/9/2012, bà M thừa kế sử dụng từ đó cho đến nay. Các anh chị em trong gia đình đều công nhận là ông, bà ngoại cho lại mẹ của anh là bà M diện tích đất trên và đồng ý ký tên khi họp mặt gia đình.

Đất giáp tứ cạnh như sau: Phía trước giáp kênh Đường X; Phía sau hậu giáp đất ông Danh T; Phía tay trái (từ ngoài nhìn vào) giáp đất ông Danh S; Phía tay phải (từ ngoài nhìn vào) giáp đất ông Huỳnh Tấn P.

Hiện nay ông Huỳnh Tấn P lấn chiếm qua phần diện tích đất của mẹ anh như sau: thửa 894 cặp lộ nông thôn ông P lấn chiếm diện tích ngang 1,5m, dài 45m tính từ mé sông ra sau hậu; Thửa 902 ông P lấn chiếm diện tích ngang 10m, dài 10m tính từ phía sau hậu kéo dài đến giáp với phần đất của ông Danh T.

Nay anh được ủy quyền của mẹ anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Tấn P trả lại cho bà M phần diện tích đất mà ông đã lấn chiếm: Thửa 894 ông P lấn chiếm diện tích ngang 1,5m, dài 45m tính từ mé sông ra sau hậu; Thửa 902 ông P lấn chiếm diện tích ngang 10m, dài 10m tính từ phía sau hậu kéo dài đến giáp với phần đất của ông Danh T.

- Bị đơn ông Huỳnh Tấn P trình bày: Ông xác định nguồn gốc đất là của bà nội ông là bà Trần Thị K khai phá. Vào năm 1995 ông đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thửa 895 và thửa 901, tờ bản đồ số 10 và đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp GCNQSDĐ vào năm 1995. Vào năm 1978 ông P cho ông Hình L và bà Ông Thị T ở đậu với diện tích ngang khoảng 4m kéo dài tới mương ở phía sau. Vào năm 1985 ông L có sửa lại nhà và lấn sang phần diện tích đất của ông P, đến năm 1988 hai bên có tiến hành cặm ranh theo trụ cột điện nông thôn, hiện nay cột điện vẫn còn. Phần đất này bà M về ở được khoảng 15 năm, sau này con của bà M là Phan Thanh A mới về ở từ năm 2004 nên không thể biết được rõ nguồn gốc ranh giới sử dụng của hai bên.

Ông P cho rằng thực tế ông không có lấn chiếm sang phần diện tích đất của bà M vì đất đã có ranh cụ thể. Còn phần diện tích đất sau hậu là của ông, ông cất chuồng heo mới giáp với đất ông Danh T, phía trước là đất của bà M từ trước đến nay. Từ trước đến nay ông không có lấn sang diện tích đất sau hậu của bà M.

Nay phía bà M khởi kiện yêu cầu ông trả lại phần diện tích đất lấn chiếm thửa 894 diện tích ngang 1,5m, dài 45m tính từ mé sông ra sau hậu; Thửa 902 diện tích ngang 10m, dài 10m tính từ phía sau hậu kéo dài đến giáp với phần đất của ông Danh T thì ông không đồng ý.

Đến ngày 15/12/2016 ông P làm đơn yêu cầu phản tố và phản tố bổ sung xác định yêu cầu cột ranh trước là trụ điện (gẫy) và phía sau là đất của ông, ông cho rằng diện tích thửa 901 và 895 là 920m^2 ông không có lấn qua đất của bà M. Ông P yêu cầu công nhận phần diện tích đất ngang 10m, dài 10m thuộc thửa 902, tờ bản đồ số 10 tính từ phía sau hậu kéo dài đến giáp với phần đất của ông Danh T là thuộc quyền sử dụng của ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và kiện đòi đất bị lấn chiếm của nguyên đơn bà Hình Thị Kim M là yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Tấn P trả lại cho bà phần diện tích đất đã lấn chiếm: Thửa 894 diện tích ngang 1,5m, dài 45m tính từ mé sông ra sau hậu; Thửa 902 diện tích ngang 10m, dài 10m tính từ phía sau hậu kéo dài đến giáp với phần đất của ông Danh T.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Tấn P cần giữ nguyên hiện trạng và công nhận phần diện tích đất cho ông P cụ thể như sau: xác định trụ đá (trụ điện gãy) làm mốc ranh nằm ở vị trí cạnh 10 chạy thẳng phía sau cạnh số 15, có diện tích là 64,7m^2 cụ thể: (có sơ đồ vị trí kèm theo)

- Cạnh 7-10 có số đo là 1,5m; Cạnh 10- 9-18-15 có số đo là 45,10m; Cạnh 15-16 có số đo là 1,61m; Cạnh 16-17-8-7 có số đo là 44,03m.

* phía sau hậu cạnh 1,2,14,15,16 có diện tích 167,8m^2 cụ thể: (có sơ đồ vị trí kèm theo)

- Cạnh 14-15-16 giáp sau hậu thửa đất số 902 của bà Hình Thị Kim M có số đo là 12,02m;
- Cạnh 2-16 giáp thửa 901 của ông Huỳnh Tấn P có số đo là 12,02m;
- Cạnh 1-14 giáp đất ông Huỳnh Văn V có số đo là 13,50m;
- Cạnh 1-2 giáp đất ông Danh T có số đo là 10,30m.

Khi ông P có yêu cầu, buộc bà M phải điều chỉnh quyền sử dụng đất cho ông P với diện tích xác định trụ đá làm mốc ranh nằm ở vị trí cạnh 10 chạy thẳng phía sau cạnh số 15, có diện tích là 64,7m^2 và phía sau hậu cạnh 1,2,14,15,16 có diện tích 167,8m^2 đất tọa lạc Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I168402 được UBND huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/11/1996. Ông P có nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển quyền và nộp các chi phí chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà M không thực hiện và khi ông P có yêu cầu, kiến nghị UBND huyện G thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I168402 nêu trên, điều chỉnh quyền sử dụng đất của bà M và cấp lại cho ông P với diện tích xác định trụ đá làm mốc ranh nằm ở vị trí cạnh 10 chạy thẳng phía sau cạnh số 15, có diện tích là 64,7m^2 và phía sau hậu cạnh 1,2,14,15,16 có diện tích 167,8m^2 vào giấy chứng nhận của ông P số D0673996 cấp ngày 30/4/1995 theo trích đo địa chính khu đất số: TĐ-ĐC 99 ngày 10/11/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 26/10/2018 bà Hình Thị Kim M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ kiện, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hình Thị Kim M về việc yêu cầu ông Huỳnh Tấn P trả lại phần đất ngang 1,3 mét, dài 45 mét tại thửa 894, tờ bản đồ số 10 và phần đất ngang 10 mét, dài 10 mét, thửa số 902, tờ bản đồ số 10, buộc ông P di dời vật kiến trúc trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện nguyên đơn xác định thời điểm bị đơn sử dụng phần đất sau hậu

thửa 902 vào năm 2007 thì nguyên đơn có tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không được ấp, xã giải quyết do quyền sử dụng đất do bà Ông Thị T đứng tên.

Bị đơn ông P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu công nhận diện tích ngang 10m, dài 10m, thửa thửa số 902, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Ấp N, xã L, huyện G, Kiên Giang cho ông sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng cấp sơ thẩm có sai sót: Chưa làm rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ông Thị T sau đó đã điều chỉnh biến động tại mục những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho hộ ông (bà) Hình Thị Kim M vào ngày 24/9/2012 và cấp cho ông Huỳnh Tấn P là cấp cho hộ hay cá nhân. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp QSD đất nhưng tại đơn khởi kiện chỉ có bà M đứng đơn khởi kiện, bị đơn cũng chỉ xác định là ông P mà diện tích đất tranh chấp có vợ chồng ông P, tại phiên tòa phúc thẩm ông P cho rằng vợ ông tên là bà Hồ Thị B – sinh năm 1938 hiện còn đang chung sống với ông và vợ chồng người con trai của ông P cùng đang sử dụng; trên phần đất tranh chấp có chuồng heo ngang 3m, dài 7m nhưng Tòa án không tiến hành định giá.

Không có văn bản, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền xác định diện tích đất tranh chấp sau hậu ngang 10m dài 10m nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của hộ nào hay cá nhân nào, thuộc thửa nào? thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các bên đã có lộ giao thông nông thôn chưa? diện tích đất vào thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có bao gồm diện tích lộ nông thôn rộng 2,5m chưa, hay có trừ diện tích lộ nông thôn chưa ?. Như vậy chưa xác định rõ số diện tích đất theo số đo thực tế so với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên để xác định bên nào thiếu, thừa , đủ ra sao?

Bị đơn yêu cầu công nhận QSD đất và hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho bà M nhưng cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện G tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bản án tuyên ngày 16/10/2018 thì đến ngày 31/10/2018 Tòa án lại ra quyết định sửa đổi, bổ sung bản án với nội dung bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện G và bổ sung phần hoàn lại tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố của ông P 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 268 Bộ luạt tố tụng dân sự.

Các bên đương sự tranh chấp diện tích ngang 10m dài 10m, diện tích là 100m2 nhưng cấp sơ thẩm giải quyết công nhận cho bị đơn 167,7m2 là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy bản án sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, giao hồ sơ cho Tòa án huyện G giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất, cụ thể nguyên đơn bà M yêu cầu ông P trả cho bà phần đất ngang 1,5m, dài 45m tại thửa 894, tờ bản đồ số 10 và phần đất ngang 10m, dài 10m tại thửa 902, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn ông P có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận phần đất ngang 10m, dài 10m, diện tích 167,8m^2 thuộc thửa 902, tờ bản đồ số 10 thuộc quyền sử dụng của ông, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ông Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông A đại diện hợp pháp của bà M trình bày bà M có 07 người con, hiện có 03 người con của bà M đang sử dụng trên phần đất của bà M, trong đó người con thứ bảy của bà M là anh Phan Thanh C, vợ và những người con của anh C hiện đang sống chung nhà với bà M nhưng chỉ có bà M khởi kiện. Đối với bị đơn ông P trình bày quyền sử dụng đất tranh chấp là tài sản chung của ông và vợ ông là bà Hồ Thị B nhưng bà Ba không ký đơn phản tố, bị đơn ông P trình bày hiện tại vợ chồng ông cùng với vợ chồng anh V đang sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Ông Thị T đứng tên, đánh biến động sang tên cho hộ bà Hình Thị Kim M nhận thừa kế ngày 24/9/2012 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định quyền sử dụng đất được cấp cho hộ bà Hình Thị Kim M và hộ ông Huỳnh Tấn P hay cấp cho cá nhân bà M, ông P, không đưa những người con của bà M; vợ ông P là bà Hồ Thị B và vợ chồng anh V con ông P tham gia tố tụng là có thiếu sót.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vào ngày 16/10/2018, tuy nhiên đến ngày 31/10/2018 Tòa án ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án với nội dung bổ sung đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G tỉnh Kiên Giang vào phần các đương sự trong trong vụ án tại bản án, làm mất đi quyền kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này; đồng thời bổ sung nội dung hoàn lại tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố ông P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Mặt khác, khi ra quyết định sửa chữa bổ sung bản án không có văn bản thể hiện Thẩm phán đã phối hợp với các hội thẩm nhân dân là thành viên hội đồng xét xử đã tuyên bản án để ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án là không đúng, vi phạm quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự vì không thuộc trường hợp lỗi chính tả, nhầm lẫn số liệu hoặc tính toán sai.

[2]. Bị đơn ông P yêu cầu phản tố công nhận phần đất tranh chấp ngang 10m dài 10m, diện tích 100m^2, trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm ông P không có đơn yêu cầu công nhận cho ông phần diện tích tranh chấp 167,7m^2 tại thửa 902 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết công nhận diện tích 167,7m^2 cho bị đơn khi không có yêu cầu bổ sung, là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Đại diện nguyên đơn và bị đơn xác định khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Ông Thị T, ông Huỳnh Tấn P thì cán bộ địa chính không tiến hành đo đạc, xác định lại diện tích đất thực tế của các bên đang sử dụng mà chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ địa chính đã được lập sẵn. Hồ sơ vụ án chưa thể hiện thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ông Thị T, ông Huỳnh Tấn P có lộ nông thôn nằm trong quyền sử dụng đất của các bên hay không, chưa xác định diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Tư và diện tích

cấp cho ông P đã bao gồm diện tích của lộ nông thôn chưa ?. Ngoài ra trên phần đất tranh chấp tại thửa 902 do bà M đứng tên có công trình xây dựng là chuồng heo do ông P xây dựng năm 2007, diện tích ngang 3m, dài 7m, tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa thực hiện thủ tục định giá đối với công trình này.

[3] Đối với quyết định của bản sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng có sai sót: nguyên đơn bà M nộp tạm ứng 935.000 đ (Chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nhưng bản án sơ thẩm tuyên khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp viết số 935.000.000đ (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng) , bà M còn được nhận lại viết số 735.000.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng) là không đúng. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, nguyên đơn đã nộp xong các chi phí trên nhưng bản án còn tuyên về phần lãi suất chậm thi hành án của bên phải thi hành án là chưa phù hợp.

Những sai sót trên của cấp sơ thẩm, tuy nhiên có một phần lỗi của các đương sự là không cung cấp đầy đủ thông tin là chứng cứ của vụ án liên quan đến những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án như đã nêu ở trên; cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Do vậy qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Hủy bản án sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà M không phải chịu, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu 007272 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Hình Thị Kim M với bị đơn ông Huỳnh Tấn P.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Hình Thị Kim M tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 007272 ngày

30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. (do Phan Thanh A nộp thay).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Kha